

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Appendix V
CORPORATE GOVERNANCE STATUS REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued together with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020
of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
SAIGON THUONG TIN REAL ESTATE
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 15/2026/CV-TTCLAND
No.: 15/2026/CV-TTCLAND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, January 30th, 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
Năm 2025

Report on Corporate Governance 2025

Kính gửi/ To:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
- *Company Name: SAIGON THUONG TIN REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY*
- Địa chỉ trụ sở chính: 512 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh
- *Head Office Address: 512 Ly Thuong Kiet Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại: 028.38249988 Fax: 028.38249977 Email: info@ttcland.vn
- *Phone: 028.38249988 Fax: 028.38249977 Email: info@ttcland.vn*
- Vốn điều lệ: 4.305.950.360.000 đồng
- *Charter Capital: VND 4,305,950,360,000*
- Mã chứng khoán: SCR
- *Stock Code: SCR*
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.
- *Corporate Governance Model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, and Audit Committee under the Board of Directors.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
- *The implementation of internal audit: Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ *Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on the meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders (including Resolutions of the General Meeting of Shareholders approved via written ballot):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định No. Resolution/Decision	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024. <i>Approval of the Audited Financial Statements for 2024.</i>
2	02/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Phê duyệt danh sách đơn vị kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2025. <i>Approval of the list of independent auditing firms and authorization for the Board of Directors to decide on the selection of the independent auditing firm for 2025.</i>
3	03/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. <i>Approval of the Profit Distribution Plan for 2024.</i>
4	04/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025. <i>Approval of the Business Plan for 2025.</i>
5	05/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và dự trù chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025. <i>Approval of the remuneration, operating expenses of the Board of Directors, and estimated operating expenses of the Board of Directors for 2025.</i>
6	06/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua thay đổi trụ sở chính và sửa đổi Điều lệ của Công ty. <i>Approval of the change of the Head Office and amendment of the Company's Charter.</i>
7	07/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. <i>Dismissal and supplementary election of members of the Board of Directors.</i>
8	08/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. <i>Approval of the list of candidates for the supplementary election of members of the Board of Directors.</i>
9	09/2025/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2025	Tổ chức triển khai đầu tư hoặc mua bán tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh. <i>Organization and implementation of investment or purchase/sale of assets serving business operations.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/ Board of Directors (2025 Report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HBQT)/ Information on the members of the Board of Directors (BOD):

Stt No.	Thành viên HĐQT Member of the BOD	Chức vụ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) (Independent Member of the BOD, Non-Executive Member of the BOD)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập Date of commencement/cessation as a member of the BOD/Independent Member of the BOD	
			Ngày bổ nhiệm Date of Appointment	Ngày miễn nhiệm Date of Dismissal
1	Ông Nguyễn Thành Chương Mr. Nguyen Thanh Chuong	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	23/04/2024	
2	Ông Đặng Hồng Anh Mr. Dang Hong Anh	Phó Chủ tịch HĐQT Vice Chairman of the BOD	25/04/2022	24/04/2025
3	Ông Võ Quốc Khánh Mr. Vo Quoc Khanh	Thành viên HĐQT Member of the BOD	26/04/2021	24/04/2025
4	Ông Phạm Trung Kiên Mr. Pham Trung Kien	Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Independent and Non- Executive Member of the Board of Directors	23/04/2024	24/04/2025
5	Ông Lê Quang Vũ Mr. Le Quang Vu	Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành Independent and Non- Executive Member of the Board of Directors	23/04/2024	24/04/2025
6	Ông Nguyễn Thái Sơn Mr. Nguyen Thai Son	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	24/04/2025	
7	Ông Trần Văn An Mr. Tran Van An	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	24/04/2025	
8	Ông Nguyễn Văn Hòa Mr. Nguyen Van Hoa	Thành viên HĐQT độc lập Independent Member of the Board of Directors	24/04/2025	
9	Ông Nguyễn Văn Bảnh Mr. Nguyen Van Banh	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of the Board of Directors	24/04/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/ The Board of Directors Meetings:

Stt No.	Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors	Số buổi họp HĐQT tham dự Number of BOD Meetings Attended	Tỷ lệ tham dự họp Meeting Attendance Rate	Lý do không tham dự họp Reason for Non-Attendance
1	Ông Nguyễn Thành Chương Mr. Nguyen Thanh Chuong	12/12	100%	
2	Ông Đặng Hồng Anh Mr. Dang Hong Anh	7/12	58%	Miễn nhiệm từ 24/04/2025 Dismissed effective from 24/04/2025

Stt No.	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of BOD Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Meeting Attendance Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Non-Attendance</i>
3	Ông Võ Quốc Khánh <i>Mr. Vo Quoc Khanh</i>	0/12	0%	1. Giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 21/02/2025: 1. Period from 01/01/2025 to 21/02/2025: Do lịch công tác không phù hợp. <i>Due to conflicting work schedule.</i> 2. Giai đoạn từ ngày 21/02/2025 đến ngày 24/4/2025: 2. Period from 21/02/2025 to 24/04/2025: Ông Võ Quốc Khánh đã có đơn từ nhiệm khỏi chức danh Thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 21/02/2025. Trong thời gian chờ được Đại hội đồng cổ đông chính thức thông qua việc miễn nhiệm, ông không tham gia các hoạt động họp Hội đồng quản trị. <i>Mr. Vo Quoc Khanh submitted a resignation letter from the position of Member of the Board of Directors effective from 21/02/2025. While awaiting official approval of the dismissal by the General Meeting of Shareholders, he did not participate in Board of Directors meetings.</i>
4	Ông Phạm Trung Kiên <i>Mr. Pham Trung Kien</i>	7/12	58%	Miễn nhiệm từ 24/04/2025 <i>Dismissed effective from 24/04/2025</i>
5	Ông Lê Quang Vũ <i>Mr. Le Quang Vu</i>	7/12	58%	Miễn nhiệm từ 24/04/2025 <i>Dismissed effective from 24/04/2025</i>
6	Ông Nguyễn Thái Sơn <i>Mr. Nguyen Thai Son</i>	5/12	42%	Bổ nhiệm từ 24/04/2025 <i>Appointed effective from 24/04/2025</i>
7	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>	5/12	42%	Bổ nhiệm từ 24/04/2025 <i>Appointed effective from 24/04/2025</i>
8	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	5/12	42%	Bổ nhiệm từ 24/04/2025 <i>Appointed effective from 24/04/2025</i>
9	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Bảnh</i>	5/12	42%	Bổ nhiệm từ 24/04/2025 <i>Appointed effective from 24/04/2025</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ Supervisory activities of the BOD over the Board of Management:

- Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) thực hiện chức năng giám sát, định hướng và kiểm soát đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc (TGD) theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, bảo đảm hoạt động quản trị và điều hành của Công ty được triển khai phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển đã được thông qua.

In 2025, the Board of Directors (BOD) performed the functions of supervision, orientation, and control over

the executive activities of the Board of Management (BOM) in accordance with the law, the Company's Charter, and the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the BOD, ensuring that the Company's governance and operational activities are implemented in line with the approved development goals and strategy.

- HĐQT tổ chức theo dõi việc triển khai các nghị quyết, quyết định và kết luận của HĐQT trong năm tài chính 2025, bảo đảm các nội dung được thực hiện khẩn trương và nghiêm túc. Ban TGD chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của HĐQT về tình hình triển khai các nhiệm vụ được giao.

The BOD organized the monitoring of the implementation of the BOD's resolutions, decisions, and conclusions during the 2025 fiscal year, ensuring that the contents were implemented promptly and seriously. The Board of Management (BOM) is responsible for organizing the implementation and maintaining a regime of periodic and ad-hoc reporting, as required by the BOD, regarding the status of assigned tasks.

- HĐQT thực hiện giám sát đối với việc triển khai các nội dung liên quan đến tái cấu trúc tài chính và tái cơ cấu hoạt động theo định hướng đã được phê duyệt. Các vấn đề liên quan đến cơ cấu danh mục đầu tư, công tác quản lý công nợ, kiểm soát chi phí, cân đối dòng tiền và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động, dự án được HĐQT xem xét, cho ý kiến và giao Ban TGD tổ chức thực hiện theo quy định và kế hoạch chung của Công ty.

The BOD supervised the implementation of matters related to financial restructuring and operational reorganization according to the approved orientation. Issues related to the investment portfolio structure, debt management, cost control, cash flow balancing, and resource allocation for activities and projects were reviewed and commented on by the BOD, which then assigned the Board of Management (BOM) to organize the implementation in accordance with the Company's regulations and overall plan.

- Trong 6 tháng cuối năm 2025, HĐQT tiếp tục thực hiện giám sát đối với các quyết định điều hành liên quan đến hoạt động đầu tư, hợp tác theo các phương án đã được cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua.

During the last 6 months of 2025, the BOD continued to supervise executive decisions related to investment and cooperation activities according to the plans reviewed and approved by the competent authority.

- Bên cạnh đó, HĐQT theo dõi việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, nghĩa vụ công bố thông tin, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo quy định hiện hành. Ban TGD thực hiện việc báo cáo, xin ý kiến HĐQT đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành theo đúng quy trình nội bộ và thẩm quyền được phân cấp.

Furthermore, the BOD monitored compliance with corporate governance regulations applicable to public companies, disclosure obligations, internal control systems, and risk management according to current regulations. The Board of Management (BOM) reported and sought the BOD's opinion on issues arising during the operation process, strictly following internal procedures and delegated authority.

- Trên cơ sở công tác giám sát trong năm 2025, HĐQT ghi nhận việc Ban TGD thực hiện chế độ báo cáo và triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo quy định.

Based on the oversight activities during 2025, the Board of Directors acknowledges that the Board of Management implemented the reporting regime and carried out the resolutions and decisions of the Board of Directors as stipulated.

- Căn cứ kết quả giám sát trong năm 2025, HĐQT xác nhận Ban TGD đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo các nghị quyết, quyết định của HĐQT, góp phần bảo đảm hoạt động của Công ty được duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Based on the results of oversight during 2025, the Board of Directors confirms that the Board of Management organized and executed the tasks pursuant to the resolutions and decisions of the Board of Directors, contributing to ensuring the Company's operations remained stable amid significant market fluctuations.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ Activities of sub-committees under the Board of Directors (if any): Không có/ None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2025)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (2025 Report)

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
1	01/2025/NQ-HĐQT	20/01/2025	Phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan trong năm 2025 <i>Approving the policy for signing contracts and transactions with related parties in 2025</i>	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	21/02/2025	Nhận được đơn từ nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị <i>Receipt of the resignation letter from a Member of the Board of Directors</i>	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	03/03/2025	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 <i>Notification of the record date for organizing the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2024</i>	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	06/03/2025	Thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất, vay vốn và thế chấp tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín <i>Re-leasing land use rights and receiving the transfer of assets attached to the land, borrowing capital, and mortgaging collateral at Saigon Thương Tín Commercial Joint Stock Bank</i>	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	02/04/2025	Thông qua nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 <i>Approving the content and documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	14/04/2025	Tiếp nhận đơn từ nhiệm và điều chỉnh bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024 <i>Receiving the resignation letter and adjusting/supplementing documents for the 2024 fiscal year Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	22/04/2025	Tiếp nhận danh sách ứng cử viên tham gia vào HĐQT và bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2024 <i>Receiving the list of candidates for the Board of Directors and supplementing documents for the 2024 fiscal year Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
8	08/2025/NQ-HĐQT	24/04/2025	Thông qua cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và việc bổ nhiệm nhân sự cho Ủy ban Kiểm toán <i>Approving the structure of the Board of Directors members and the appointment of personnel for the Audit Committee</i>	100%
9	09/2025/NQ-HĐQT	20/05/2025	Miễn nhiệm Giám đốc Khối tài chính <i>Dismissing the Chief Financial Officer</i>	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT	06/06/2025	Thay đổi người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty <i>Changing the person in charge of Corporate Governance cum Company Secretary</i>	100%
11	11/2025/NQ-HĐQT	03/10/2025	Thông qua nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu <i>Approving the acquisition of shares in Tin Nghia – A Chau Investment Joint Stock Company</i>	100%
12	12/2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	Thông qua giải thể Công ty con <i>Approving the dissolution of a subsidiary company</i>	100%

III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm 2025)/ Audit Committee (2025 Report):

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán (UBKT)/ Information regarding members of the Audit Committee (AC):

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán Members of the Audit Committee	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán Date of becoming/ceasing to be Audit Committee membership	Trình độ chuyên môn Professional Qualifications
1	Ông Phạm Trung Kiên <i>Mr. Pham Trung Kien</i>	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán <i>Chairman of the Audit Committee</i>	23/04/2024 (Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025) <i>(Dismissed effective from 04/24/2025)</i>	Cử nhân Kinh tế <i>Bachelor of Economics</i>
2	Ông Lê Quang Vũ <i>Mr. Le Quang Vu</i>	Thành viên Ủy ban kiểm toán <i>Member of the Audit Committee</i>	23/04/2024 (Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025) <i>(Dismissed effective from 04/24/2025)</i>	Cử nhân Xây dựng <i>Bachelor of Construction</i>
3	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán <i>Chairman of the Audit Committee</i>	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025 <i>Appointed effective from 04/24/2025</i>	Luật sư <i>Lawyer</i>
4	Ông Nguyễn Văn Bành <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025	Kỹ sư Xây dựng - Quản lý dự án

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Members of the Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Date of becoming/ceasing to be Audit Committee membership</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualifications</i>
		<i>Member of the Audit Committee</i>	<i>Appointed effective from 04/24/2025</i>	<i>Construction Engineer - Project Management</i>

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/Audit Committee Meetings

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán thực hiện 04 cuộc họp. Chi tiết như sau:

In 2025, the Audit Committee held 04 meetings. Details are as follows:

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Member of the Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Meeting Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Non- Attendance</i>
<u>Cuộc họp ngày 31/03/2025, Biên bản họp số 01/2025/BBH-UBKT</u> <i>Meeting dated March 31, 2025, Minutes No. 01/2025/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Phạm Trung Kiên <i>Mr. Pham Trung Kien</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Lê Quang Vũ <i>Mr. Le Quang Vu</i>	01	1/1	100%	
<u>Cuộc họp ngày 27/06/2025, Biên bản họp số 02/2025/BBH-UBKT</u> <i>Meeting dated June 27, 2025, Minutes No. 02/2025/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bánh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	01	1/1	100%	
<u>Cuộc họp ngày 26/09/2025, Biên bản họp số 03/2025/BBH-UBKT</u> <i>Meeting dated September 26, 2025, Minutes No. 03/2025/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bánh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	01	1/1	100%	
<u>Cuộc họp ngày 19/12/2025, Biên bản họp số 04/2025/BBH-UBKT</u> <i>Meeting of December 19, 2025, Minutes No. 04/2025/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bánh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	01	1/1	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/ Oversight activities of the Audit Committee regarding the Board of Directors, the Board of Management, and shareholders:

Trong năm 2025, Ủy ban Kiểm toán đã thực hiện chức năng giám sát theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm

được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động UBKT, cụ thể như sau:

In 2025, the Audit Committee performed its oversight function strictly according to the authority and responsibilities stipulated in the Enterprise Law, the Company Charter, and the AC Operating Regulations, specifically as follows:

- HĐQT hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy chế, quy định của Công ty; thực hiện quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, trong đó Chủ tịch HĐQT phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo và giám sát.

The Board of Directors operates in accordance with the Company Charter and the Company's regulations and rules; it exercises governance through resolutions and decisions and directs the Board of Management to organize and implement them. The Board of Directors operates based on the principle of collective leadership and individual responsibility, wherein the Chairman of the Board clearly assigns responsibilities to each BoD member to enhance the effectiveness of direction and oversight.

- HĐQT thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên HĐQT được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và có đủ thời gian nghiên cứu, thảo luận trước khi quyết định.

The Board of Directors fully executes its duties and powers and complies with the provisions of the Company Charter and current legal regulations. BoD members are provided with complete, timely, and accurate information and have sufficient time to study and discuss before making decisions.

- Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; nội dung các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được các thành viên HĐQT nghiên cứu sâu về vấn đề được phân công, thảo luận cụ thể để thống nhất trước khi biểu quyết. Các Nghị quyết, Quyết định có sự đồng thuận cao và được Công ty nghiêm túc thực hiện.

All BoD members fully participate in the meetings of the Board of Directors; the content of the meetings or written opinions are thoroughly studied by BoD members regarding the assigned issues, specifically discussed to reach consensus before voting. The Resolutions and Decisions receive high consensus and are strictly implemented by the Company.

- Các Nghị quyết, Quyết định được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ; các vấn đề quan trọng đều được thảo luận đầy đủ, có cơ sở và được biểu quyết theo đúng quy định.

The Resolutions and Decisions are issued following the correct procedures, within the proper authority, and in compliance with legal regulations and internal rules; all important matters are fully discussed, well-founded, and voted upon according to regulations.

- Các thành viên HĐQT có năng lực chuyên môn phù hợp thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

BoD members possess appropriate professional competence to perform their duties based on protecting the legitimate interests of the Company and its shareholders.

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp Luật doanh nghiệp và Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty. Các Quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành theo đúng thẩm quyền và kịp thời.

The Board of Management managed operations strictly according to its functions and duties, in compliance with the Enterprise Law and the Company's Organizational and Operational Regulations. The Decisions of the Board of Management were issued within the proper authority and in a timely manner.

- UBKT đã thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty, tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

The AC supervised the Board of Management regarding legal compliance, adherence to the Company Charter, organizing the implementation of GMS Resolutions, executing the Resolutions and Decisions of the Board of Directors, and managing the Company's production and business operations.

- Tổng Giám đốc có phân công, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo hiệu quả điều hành và trách nhiệm quản lý.

The General Director specifically assigned duties and responsibilities to each member of the Board of Management to ensure effective management and accountability.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

- Duy trì cơ chế phối hợp giữa UBKT với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc độc lập – khách quan – tuân thủ, qua đó thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ giám sát theo quy định.

Maintaining a coordination mechanism between the AC and the Board of Directors and the Board of Management based on the principles of independence – objectivity – compliance, thereby fully performing the prescribed oversight functions and duties.

- UBKT tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và một số cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc, đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, quyết định quan trọng nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, phù hợp Điều lệ/quy định nội bộ và bảo vệ lợi ích Công ty và cổ đông.

The AC fully attended the regular and extraordinary meetings of the BOD and several meetings of the Board of Management, contributing opinions on important policies and decisions to ensure legal compliance, adherence to the Charter/internal regulations, and protection of the interests of the Company and its shareholders.

- UBKT phối hợp với các cán bộ quản lý và các đơn vị chức năng trong việc trao đổi thông tin rủi ro, kết quả kiểm tra/kiểm toán, các vấn đề tồn tại cần khắc phục, qua đó hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong cải tiến hoạt động và tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ.

The AC cooperated with management personnel and functional units in exchanging risk information, inspection/audit results, and outstanding issues requiring remediation, thereby supporting the Board of Management in improving operations and strengthening the internal control system.

- UBKT thường xuyên báo cáo HĐQT về kết quả giám sát, các phát hiện trọng yếu và khuyến nghị; đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện, kết quả khắc phục nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các biện pháp kiểm soát được yêu cầu triển khai.

The AC regularly reported to the BOD on monitoring results, material findings, and recommendations; simultaneously tracking the implementation progress and remediation results to enhance the effectiveness and efficiency of the control measures required to be deployed.

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/ Other activities of the Audit Committee (if any):

Trong năm 2025, ngoài hoạt động giám sát đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, UBKT còn thực hiện các hoạt động trọng tâm khác theo Quy chế hoạt động UBKT, bao gồm:

In 2025, in addition to monitoring the BOD and the Board of Management, the AC also carried out other key activities in accordance with the AC Operating Regulations, including:

- Đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ thông qua 05 cấu phần: (i) Môi trường kiểm soát; (ii) Quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị; (iii) Hoạt động kiểm soát; (iv) Hệ thống thông tin và truyền thông và (v) Giám sát.

Evaluating the Internal Control system through 05 components: (i) Control Environment; (ii) Entity's Risk Assessment Process; (iii) Control Activities; (iv) Information and Communication System; and (v) Monitoring.

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc ngăn ngừa và phát hiện sai sót, hạn chế giảm thiểu sai phạm; dự báo và ứng phó với rủi ro nếu có thể đo lường được trong các hoạt động khác của Công ty.

Advising and consulting the BOD and the Board of Management on preventing and detecting errors, limiting and minimizing violations; forecasting and responding to measurable risks, if any, in the Company's other operations.

- Giám sát kế hoạch và kết quả hoạt động của kiểm toán nội bộ.

Monitoring the plan and performance results of internal audit.

IV. Ban điều hành/ Board of Management:

Stt No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of the Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of Birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal</i>
1	Ông Võ Thanh Lâm <i>Mr. Vo Thanh Lam</i>	16/01/1981	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 23/10/2024 <i>Reappointed as General Director on 23/10/2024</i>
2	Bà Đinh Thị Ngọc Trang <i>Ms. Dinh Thi Ngoc Trang</i>	01/05/1985	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 05/03/2024 <i>Appointed as Deputy General Director on 05/03/2024</i>
3	Bà Nguyễn Thị Nghi <i>Ms. Nguyen Thi Nghi</i>	21/11/1982	Cử nhân Đại học Luật TP HCM <i>Bachelor of Law, Ho Chi Minh City University of Law</i>	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 26/08/2024 <i>Appointed as Deputy General Director on 26/08/2024</i>

V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant

Họ và tên <i>Full Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of Birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/dismissal</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng <i>Mr. Nguyen Viet Hung</i>	12/04/1991	Cử nhân Đại học Kinh tế - Luật <i>Bachelor of Economics and Law</i>	Tái bổ nhiệm ngày 01/10/2024 <i>Reappointed on 01/10/2024</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Corporate governance training courses attended by BOD members, the Chief Executive Officer (CEO), other management personnel, and the Company Secretary, in accordance with corporate governance regulations:

- Cán bộ quản lý của Công ty đã tham gia khóa học Quản trị công ty do Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (HUREDIN) – Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 19/05/2025 và ngày 27/10/2025.

The Company's management personnel attended the Corporate Governance course organized by the Human Resources and Business Development Institute (HUREDIN) – Ho Chi Minh City University of Economics on May 19, 2025, and October 27, 2025.

- Ban lãnh đạo của Công ty đã tham gia Chương trình đào tạo “Quản trị Công ty” do phòng Quản trị Nguồn nhân lực TTCI phối kết hợp cùng Viện nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC (Viện IRT – Thành viên Tập đoàn TTC) và Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (Thành viên Đại học Kinh tế TP. HCM) tổ chức ngày 10/01/2026 và 17/01/2026.

The Company's leadership participated in the “Corporate Governance” Training Program organized jointly by the TTCI Human Resource Management Department, the TTC International Research and Training Institute (IRT Institute – a member of TTC Group), and the Human Resources and Business Development Institute (a member of UEH) on January 10, 2026, and January 17, 2026.

- Kế hoạch trong năm 2026, Nhân sự của Công ty sẽ tham gia các Chương trình đào tạo chuyên sâu về Quản trị công ty do Viện Thành viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (VIOD) tổ chức.

The plan for 2026 is for the Company's personnel to participate in specialized Corporate Governance Training Programs organized by the Vietnam Institute of Directors (VIOD).

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2025) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company

Phụ lục I đính kèm/ Appendix I attached.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ./ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

Phụ lục II đính kèm/ Appendix II attached.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. Không có/ None

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). Không có

4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting). None

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. Không có

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO). None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. Không có

4.3. 4.3 Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers. None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm 2025)/ Share transactions of internal persons and their affiliated persons (2025 Report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ The list of internal persons and their affiliated persons (Phụ lục III đính kèm/ Appendix III attached)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company (Phụ lục IV đính kèm/ Appendix IV attached)

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không có/ None

Nơi nhận/Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archive: Office, ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signed, full name printed, and sealed)



NGUYỄN THÀNH CHUÔNG
NGUYEN THANH CHUONG

3
:

APPENDIX I: THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

(Attached to the REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE 2025, No.15/2026/CV-TTCLAND, dated 30/01/2026)

[illegible]

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Nguyễn Trúc Quỳnh Nhu										
1.4	Nguyễn Khánh Hà <i>Nguyen Khanh Ha</i>										Con <i>Child</i>
1.5	Nguyễn Thị Mỹ Trang <i>Nguyen Thi My Trang</i>										Chị <i>Older Sister</i>
1.6	Nguyễn Thị Mỹ Tiên <i>Nguyen Thi My Tien</i>										Chị <i>Older Sister</i>
1.7	Nguyễn Thị Mỹ Tâm <i>Nguyen Thi My Tam</i>										Chị <i>Older Sister</i>
1.8	Nguyễn Minh Thành <i>Nguyen Minh Thanh</i>										Anh <i>Older Brother</i>
1.9	Nguyễn Thành Văn <i>Nguyen Thanh Van</i>										Anh <i>Older Brother</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.10	Nguyễn Bá Thi <i>Nguyen Ba Thi</i>										Em <i>Younger sibling</i>
1.11	Nguyễn Minh Thắng <i>Nguyen Minh Thang</i>										Em <i>Younger sibling</i>
1.12	Ngô Văn Minh <i>Ngo Van Minh</i>										Bố vợ <i>Father-in-law</i>
1.13	Phạm Văn Thuộc Anh <i>Pham Van Thuoc Anh</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
1.14	Nguyễn Văn Hùng <i>Nguyen Van Hung</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.15	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
1.16	Trương Thị Út <i>Truong Thi Ut</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
1.17	Hoàng Thị Thùy Dương <i>Hoang Thi Thuy Duong</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
1.18	Lê Thị Bích Huyền <i>Le Thi Bich Huyen</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
1.19	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thành Công Industrial Park Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (TV HĐQT của tổ chức) <i>Affiliated organization (Member of the Board of Directors of the organization)</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.20	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Đặng Huỳnh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.21	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tân Hội Industrial Cluster Infrastructure Investment Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.22	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thái Tôn Construction, Trading, and Import-Export Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.23	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Supporting Industry Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
1.24	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tín Nghĩa – Á Châu Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Phuong Thao										
2.7	Trương Hồng Quân <i>Truong Hong Quan</i>										Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
2.8	Trịnh Nguyễn Thủy Trang <i>Trinh Nguyen Thuy Trang</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
2.9	Đặng Quang Anh <i>Dang Quang Anh</i>										Con <i>Child</i>
2.10	Đặng Minh Anh <i>Dang Minh Anh</i>										Con <i>Child</i>
2.11	Công ty CP Đầu tư Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Joint Stock Company</i>										
3	Ông Võ Quốc Khánh <i>Mr. Vo Quoc Khanh</i>		Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' members</i>					Bổ nhiệm ngày 04/05/2021 <i>Appointed on 04/05/2021</i>	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Dismissed on 24/04/2025</i>		
3.1	Võ Thị Hiền <i>Vo Thi Hien</i>										Mẹ <i>Mother</i>
3.2	Võ Khánh Hiền Hòa <i>Vo Khanh Hien Hoa</i>										Em <i>Younger Sibling</i>
3.3	Võ Kiên Văn <i>Vo Kien Van</i>										Con <i>Child</i>
3.4	Cao Xuân Hỷ <i>Cao Xuan Hy</i>										Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
4	Ông Phạm Trung Kiên <i>Mr. Pham Trung Kien</i>		Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành. Chủ tịch UBKT					Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 <i>Appointed on 23/04/2024</i>	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Dismissed on 24/04/2025</i>		

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Independent members of the Board of Directors and Non- Executive. Chairman of the Audit Committee</i>								
4.1	Hoàng Thị Hoa <i>Hoang Thi Hoa</i>										Vợ <i>Wife</i>
4.2	Phạm Gia Khang <i>Pham Gia Khang</i>										Con <i>Child</i>
4.3	Phạm Lan Phuong <i>Pham Lan Phuong</i>										Con <i>Child</i>
4.4	Phạm Đình Cường <i>Pham Dinh Cuong</i>										Em ruột <i>Younger Sibling</i>
4.5	Trần Thị Kiều <i>Tran Thi</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Kieu</i>										
4.6	Phạm Đình Tăng <i>Pham Dinh Tang</i>										Bố <i>Father</i>
4.7	Hoàng Văn Vinh <i>Hoang Van Vinh</i>										Bố vợ <i>Father-in-law</i>
4.8	Trần Thị Thanh <i>Tran Thi Thanh</i>										Mẹ <i>Mother</i>
4.9	Vũ Thị Tuất <i>Vu Thi Tuat</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
4.10	Công ty CP Đầu tư Thành Công <i>Thanh Cong Investment Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reason	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/ internal person
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	Ông Lê Quang Vũ Mr. Le Quang Vu		Thành viên HĐQT độc lập. Thành viên UBKT. Independent members of the Board of Directors. Member of the Audit Committee.					Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 Appointed on 23/04/2024	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 Dismissed on 24/04/2025		
5.1	Nguyễn Thị Bé Nguyen Thi Be										Mẹ Mother
5.2	Ngô Thị Hải Ngo Thi Hai										Vợ Wife
5.3	Ngô Đình Thái Ngo Dinh Thai										Ba vợ Father-in-law
5.4	Ngô Đình Đào Ngo Dinh Dao										Anh vợ Elder brother-in-law

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5.5	Ngô Thị Hà <i>Ngo Thi Ha</i>										Chị vợ <i>Elder sister-in-law</i>
5.6	Ngô Đình Dương <i>Ngo Dinh Duong</i>										Em vợ <i>Younger sister-in-law</i>
5.7	Lê Hải Vy <i>Le Hai Vy</i>										Con <i>Child</i>
5.8	Lê Cung Bách <i>Le Cung Bach</i>										Con <i>Child</i>
5.9	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
6	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen</i>		Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed</i>			

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.5	Nguyễn Văn Nhân <i>Nguyen Van Nhan</i>										Bố đẻ <i>Father</i>
6.6	Lê Thị Hường <i>Le Thi Huong</i>										Mẹ đẻ <i>Mother</i>
6.7	Nguyễn Văn Hiệp <i>Nguyen Van Hiep</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
6.8	Nguyễn Thị Lợi <i>Nguyen Thi Loi</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
6.9	Nguyễn Thị Hải <i>Nguyen Thi Hai</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
6.10	Nguyễn Trọng Tinh <i>Nguyen Trong Tinh</i>										Em rể <i>Younger brother-in-law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.11	Nguyễn Thị Hưng <i>Nguyen Thi Hung</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
6.12	Mai Văn Sơn <i>Mai Van Son</i>										Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
6.13	Đào Kim Trương <i>Dao Kim Truong</i>										Bố vợ <i>Father-in-law</i>
6.14	Nguyễn Thị Hồng <i>Nguyen Thi Hong</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
7	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>		Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên UBKT <i>Non-executive Board of Directors' members Member of the Audit</i>					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed on 24/04/2025</i>			

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>Committee</i>								
7.1	CTCP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.2	CTCP Đầu tư BĐS Long An <i>Long An Real Estate Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.3	Lê Thị Bạch Mai <i>Le Thi Bach Mai</i>										Vợ <i>Wife</i>
7.4	Nguyễn Trúc Mai <i>Nguyen Truc</i>										Con gái <i>Daughter</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Mai										
7.5	Nguyễn An Khang <i>Nguyen An Khang</i>										Con rể <i>Son-in-law</i>
7.6	Nguyễn Thị Sang <i>Nguyen Thi Sang</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
7.7	Nguyễn Văn Ca <i>Nguyen Van Ca</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
7.8	Nguyễn Thị Anh <i>Nguyen Thi Anh</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
7.9	Nguyễn Văn Hoàng <i>Nguyen Van Hoang</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
7.10	Nguyễn Thị Hồng Vân <i>Nguyen Thi Hong Van</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
8	Ông Nguyễn		Thành viên HĐQT					Bổ nhiệm ngày			

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8.4	Nguyễn Việt Duy <i>Nguyen Viet Duy</i>										Con <i>Child</i>
8.5	Nguyễn Thị Thu Lan <i>Nguyen Thi Thu Lan</i>										Chị <i>Older sister</i>
8.6	Nguyễn Thị Minh Phương <i>Nguyen Thi Minh Phuong</i>										Chị <i>Older sister</i>
8.7	Nguyễn Việt Hà <i>Nguyen Viet Ha</i>										Em <i>Younger sibling</i>
8.8	Phan Văn Diệp <i>Phan Van Diep</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
8.9	Phạm Ngọc Hải <i>Pham Ngoc Hai</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8.10	Hồ Văn An <i>Ho Van An</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
8.11	Nguyễn Thị Thanh Mai <i>Nguyen Thi Thanh Mai</i>										Chị <i>Elder sister</i>
8.12	Lê Hà Long <i>Le Ha Long</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
8.13	Lê Tấn Thi <i>Le Tan Thi</i>										Anh vợ <i>Brother-in-law</i>
8.14	Lê Thị Thuý Phượng <i>Le Thi Thuy Phuong</i>										Chị vợ <i>Sister-in-law</i>
8.15	Nguyễn Thái Nghĩa <i>Nguyen Thai Nghia</i>										Chồng chị vợ <i>Husband of Sister-in-law</i>
8.16	Lê Thị Mỹ Phước <i>Le Thi My Phuoc</i>										Em vợ <i>Younger sister-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8.17	Lê Thị Thúy Hiền <i>Le Thi Thuy Hien</i>										Em vợ <i>Younger sister-in-law</i>
9	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>		Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' members</i>					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed on 24/04/2025</i>			
9.1	CTCP Đầu tư Xây dựng Đảo dừa Phú Quốc <i>Phu Quoc Coconut Island Investment Construction JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.2	CTCP D-Read <i>D-Read JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.3	Trần Thị Hòa <i>Tran Thi Hoa</i>										Mẹ ruột <i>Mother</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9.4	Trần Văn Niên <i>Tran Van Nien</i>										Bố ruột <i>Father</i>
9.5	Trần Văn Tân <i>Tran Van Tan</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
9.6	Đặng Thị Phương <i>Dang Thi Phuong</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
9.7	Nguyễn Thị Phương Thảo <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>										Vợ <i>Wife</i>
9.8	Trần Đăng Khoa <i>Tran Dang Khoa</i>										Con <i>Child</i>
9.9	Trần Đăng Huy <i>Tran Dang Huy</i>										Con <i>Child</i>
9.10	Nguyễn Văn Vui										Bố vợ <i>Father-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Nguyễn Van Vui										
9.11	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
10	Ông Võ Thanh Lâm <i>Mr. Võ Thanh Lâm</i>		Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật. <i>General Director. Legal Representative</i>					Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 <i>Appointed Date 23/04/2024</i>			
10.1	Nguyễn Thị Hoàng Ngâu <i>Nguyen Thi Hoang Ngau</i>										Vợ <i>Wife</i>
10.2	Võ Văn Long <i>Vo Van Long</i>										Cha <i>Father</i>
10.3	Nguyễn Thị Liên <i>Nguyen Thi Lien</i>										Mẹ <i>Mother</i>
10.4	Võ Thị Thùy Linh										Chị <i>Elder sister</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Vo Thi Thuy Lynh</i>										
10.5	Võ Thị Khánh Ly <i>Vo Thi Khanh Ly</i>										Em <i>Younger sibling</i>
10.6	Võ Thị Bạch Yến <i>Vo Thi Bach Yen</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
10.7	Huỳnh Quốc Hưng <i>Huynh Quoc Hung</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
10.8	Nguyễn Mạnh Tiến <i>Nguyen Manh Tien</i>										Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
10.9	Võ Thanh Đan <i>Vo Thanh Dan</i>										Con <i>Child</i>
10.10	Võ Hoàng Đan <i>Vo Hoang Dan</i>										Con <i>Child</i>
11	Bà Đinh Thị Ngọc Trang		Phó Tổng Giám đốc					Bổ nhiệm ngày			

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Dinh Thanh Tam</i>										<i>sibling</i>
11.7	Đinh Thị Kim Loan <i>Dinh Thi Kim Loan</i>										Em <i>Younger sibling</i>
11.8	Đinh Thị Ngọc Hoa <i>Dinh Thi Ngọc Hoa</i>										Chị <i>Elder sister</i>
11.9	Nguyễn Thị Ngọc Bích <i>Nguyen Thi Ngọc Bích</i>										Chị chồng <i>Elder sister-in-law</i>
11.10	Nguyễn Thị Ngọc Nhung <i>Nguyen Thi Ngọc Nhung</i>										Chị chồng <i>Elder sister-in-law</i>
11.11	Nguyễn Hoàng Minh <i>Nguyen Hoang Minh</i>										Em chồng <i>Younger sibling-in-law</i>
11.12	Nguyễn Hoàng Yến <i>Nguyen Hoang Yen</i>										Em chồng <i>Younger sibling-in-law</i>
11.13	Nguyễn Thanh Thùy										Em chồng <i>Younger</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Nguyen Thanh Thuy</i>										<i>sibling-in-law</i>
11.14	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.16	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reason	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/ internal person
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Infrastructure Investment JSC										
11.17	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn Thai Ton Construction , Trading and Import-Export JSC										Tổ chức có liên quan Affiliated organization
11.18	Công ty CP Năng lượng sạch Ninh Thuận Ninh Thuan Clean Energy JSC										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) Affiliated organization (Legal Representative of the organization)
12	Bà Nguyễn Thị Nghi Ms. Nguyen Thi Nghi		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director					Bổ nhiệm ngày 26/08/2024 Appointment Date 26/08/2024			

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.1	Nguyễn Văn Thơ <i>Nguyen Van Tho</i>										Cha <i>Father</i>
12.2	Lư Hữu <i>Lu Huu</i>										Mẹ <i>Mother</i>
12.3	Nguyễn Đại Quang <i>Nguyen Dai Quang</i>										Chồng <i>Husband</i>
12.4	Nguyễn Ngọc Thảo My <i>Nguyen Ngoc Thao My</i>										Con <i>Child</i>
12.5	Nguyễn Minh Trí <i>Nguyen Minh Tri</i>										Con <i>Child</i>
12.6	Đào Thị Kim Khánh <i>Dao Thi Kim Khanh</i>										Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
12.7	Nguyễn Thị Hạnh <i>Nguyen Thi Hanh</i>										Chị ruột <i>Order Sister</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.8	Trang Kiên Điền <i>Trang Kien Dien</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
12.9	Nguyễn Văn Hiếu <i>Nguyen Van Hieu</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
12.10	Đỗ Thị Thum <i>Do Thi Thum</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
12.11	Nguyễn Thị Thảo <i>Nguyen Thi Thao</i>										Chị ruột <i>Order Sister</i>
12.12	Phùng Văn Thuận <i>Phung Van Thuan</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
12.13	Nguyễn Văn Tinh <i>Nguyen Van Tinh</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
12.14	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC</i>										Tổ chức có liên quan (Phó Giám đốc kinh doanh của tổ chức) <i>Affiliated organization (Deputy Director of Sales of the organization)</i>
12.16	Tổng Công ty Bất động sản KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Real Estate The Corporation</i>										Tổ chức có liên quan (Giám Đốc Khối KD Kho Vận của tổ chức) <i>Affiliated organization (Director of Warehouse and Logistics Business Cluster of the organization)</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13.2	Nguyễn Thị Thanh <i>Nguyen Thi Thanh</i>										Mẹ <i>Mother</i>
13.3	Nguyễn Thanh Lâm <i>Nguyen Thanh Lam</i>										Cha vợ <i>Father-in-law</i>
13.4	Nguyễn Thị Kim Toàn <i>Nguyen Thi Kim Toan</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
13.5	Nguyễn Kim Thanh Thư <i>Nguyen Kim Thanh Thu</i>										Vợ <i>Wife</i>
13.6	Nguyễn Bảo Quân <i>Nguyen Bao Quan</i>										Con <i>Child</i>
14	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>		Giám đốc Khôi Tài chính <i>Director of Finance Division</i>					Bổ nhiệm ngày 26/04/2024 <i>Appointed Date 26/04/2024</i>	Miễn nhiệm ngày 20/05/2025 <i>Dismissed Date 20/05/2025</i>		

[illegible]

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14.7	Trần Đăng Huy <i>Tran Dang Huy</i>										Con <i>Child</i>
14.8	Nguyễn Văn Vui <i>Nguyen Van Vui</i>										Bố vợ <i>Father-in-law</i>
14.9	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
14.10	Công ty CP Đầu tư Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
15	Bà Lê Thị Mỹ Chi <i>Ms. Le Thi My Chi</i>		Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty. <i>Person in charge of corporate governance,</i>					Bổ nhiệm ngày 24/5/2023 <i>Appointed Date 24/5/2023</i>	Miễn nhiệm ngày 06/06/2025 <i>Dismissed Date 06/06/2025</i>		

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cuc										
16.3	Cao Văn Đồng <i>Cao Van Dong</i>										Bố chồng <i>Father-in-law</i>
16.4	Hà Thị Cúc <i>Ha Thi Cuc</i>										Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
16.5	Cao Văn Lâm <i>Cao Van Lam</i>										Chồng <i>Husband</i>
16.6	Cao Gia Kiệt <i>Cao Gia Kiet</i>										Con đẻ <i>child</i>
16.7	Trần Văn Nhất <i>Tran Van Nhat</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.8	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>										Chị ruột <i>Order Sister</i>
16.9	Trần Đức Mạnh <i>Tran Duc Manh</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ NSH No. */	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16.10	Trần Viết Thọ <i>Tran Viet Tho</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.11	Trần Ngọc Thắng <i>Tran Ngoc Thang</i>										Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.12	Nguyễn Thị Hường <i>Nguyen Thi Huong</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
16.13	Bùi Đức Mạnh <i>Bui Duc Manh</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
16.14	Bùi Thị Bích Bình <i>Bui Thi Bích Binh</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
16.15	Trần Ngọc Huyền <i>Tran Ngoc Huyen</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
16.16	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16.17	Công ty CP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC</i>										Chánh Văn phòng <i>Chief of Office</i>
16.18	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Auxiliary Industry JSC</i>										Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>
16.19	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Long An <i>Long An Real Estate Investment JSC</i>										Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
16.20	Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction , Trading and Import-Export JSC</i>										Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>
II. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN LÀ TỔ CHỨC <i>II. AFFILIATED PERSONS THAT ARE ORGANIZATIONS</i>											
1	Công ty CP Đầu tư Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment JSC</i>										Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Organization owning over 10% of the Number of shares with voting rights</i>
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Địa										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	ốc Sài Gòn Thương Tín <i>Sai Gon Thuong Tin Real Estate Service Business One Member Limited Company</i>										
3	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín <i>Sai Gon Thuong Tin Real Estate Management Service Limited Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Sài										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Gòn <i>East Sai Gon Real Estate Investment and Development JSC</i>										
5	Công ty CP Thương Tín Tầu Cuốc <i>Thuong Tin Dredging Vessel JSC</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
6	Công ty CP Mai Lan <i>Mai Lan Joint Stock Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
7	Công ty TNHH Thương Tín – CJ Cầu Tre <i>Thuong Tin – CJ Cau Tre Limited Liability Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hùng Anh Năm <i>Hung Anh Nam Real Estate Investment and Business Joint Stock Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
9	Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng <i>Nguyen Kim Da Nang Trading Joint Stock Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
10	Công ty TNHH MTV TTC Land Retail Management <i>TTC Land</i>								31/3/2025	Đã giải thể <i>Disso lved</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Retail Management Single Member Limited Liability Company										
11	Công ty CP Đầu tư Bất động sản TTC Land Hưng Điền <i>TTC Land Hung Dien Real Estate Investment Joint Stock Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
12	Công ty CP May Tiến Phát <i>Tien Phat Garment Joint Stock Company</i>								Không còn là Công ty liên kết kể từ 17/12/2025 <i>No longer an Affiliated company as of 17/12/2025</i>		Công ty liên kết <i>Affiliated company</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Công ty CP Toàn Hải Vân <i>Toan Hai Van Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
14	Công ty CP Du lịch Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Tourism Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
15	Công ty CP Thương Mại Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Trading Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
16	Công ty CP Khai thác và Quản lý										Bên liên quan khác <i>Other related</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>										<i>party</i>
17	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction , Trading and Import-Export Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
18	Công ty CP Năng lượng sạch Ninh Thuận <i>Ninh Thuan Clean Energy Joint</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ <i>NSH No. */</i>	Ngày cấp <i>date of issue</i>	Nơi cấp <i>place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/ internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Stock Company</i>										
19	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
20	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Supporting Industry Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>

**PHỤ LỤC II: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY;
HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**
*APPENDIX II: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY;
OR BETWEEN THE COMPANY AND MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS, AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS*
(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025, số 15/2026/CV-TTCLAND, ngày 30/01/2026)
(Attached to the 2025 REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE, No. 15/2026/CV-TTCLAND, dated 30/01/2026)

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Dịch Vụ Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín <i>Sai Gon Thuong Tin Real Estate Service Business Single Member Limited Liability Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 243.348.600 đồng <i>- Provision of services: VND 243,348,600</i> - Gốc cho vay: 27.428.000.000 đồng <i>- Loan principal: VND 27,428,000,000</i> - Thu hồi gốc cho vay: 8.447.000.000 đồng <i>- Recovery of loan principal: VND 8,447,000,000</i> - Góp vốn HTKD: 30.887.246.918 <i>- Capital contribution for Business Cooperation: 30,887,246,918</i> - Lãi cho vay: 1.096.348.728 đồng <i>- Loan interest: VND 1,096,348,728</i> - Mua CCDC thanh lý: 7.054.547 đồng <i>- Purchase of liquidated tools and equipment: VND 7,054,547</i>	
2	Công ty TNHH Dịch Vụ Quản Lý Bất Động Sản Sài Gòn Thương Tín	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT</i>	- Cung cấp dịch vụ: 5.046.222.439 đồng <i>- Provision of services: VND 5,046,222,439</i> - Mua dịch vụ: 11.017.991.723 đồng	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Sai Gon Thuong Tin Real Estate Management Service Co., Ltd.</i>					<i>dated January 20, 2025</i>	- Purchase of services: VND 11,017,991,723 - Gốc cho vay: 4.475.000.000 đồng - Loan principal: VND 4,475,000,000 - Thu hồi gốc cho vay: 4.475.000.000 đồng - Recovery of loan principal: VND 4,475,000,000 - Lãi cho vay: 29.608.562 đồng - Loan interest: VND 29,608,562 - Thanh lý CCDC, TSCĐ: 1.402.796.422 đồng - Liquidation of tools, equipment and fixed assets: VND 1,402,796,422	
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Bất Động Sản Đông Sài Gòn <i>Dong Sai Gon Real Estate Investment and Development Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 523.072.356 đồng - Provision of services: VND 523,072,356 - Chuyển nhượng cổ phần: 4.562.140.000 đồng - Transfer of Shares: VND 4,562,140,000 - Gốc đi vay: 5.245.000.000 đồng - Borrowed principal: VND 5,245,000,000 - Hoàn trả gốc đi vay: 28.372.000.000 đồng - Repayment of borrowed principal: VND 28,372,000,000 - Lãi đi vay: 1.823.898.915 đồng - Borrowing interest: VND 1,823,898,915	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4	Công ty Cổ phần Thương Tín Tàu Cuốc <i>Thuong Tin Tau Cuoc Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 2.647.462.425 đồng <i>- Provision of services: VND 2,647,462,425</i> - Mua dịch vụ: (13.344.568.754) đồng <i>- Purchase of services: VND (13,344,568,754)</i> - Chuyển nhượng cổ phần: 95.370.998.400 đồng <i>- Transfer of Shares: VND 95,370,998,400</i> - Gốc cho vay: 9.350.000.000 đồng <i>- Loan principal: VND 9,350,000,000</i> - Thu hồi gốc cho vay: 144.567.000.000 đồng <i>- Recovery of loan principal: VND 144,567,000,000</i> - Lãi cho vay: 3.062.247.616 đồng <i>- Loan interest: VND 3,062,247,616</i>	
5	Công ty Cổ phần Mai Lan <i>Mai Lan Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 89.339.450 đồng <i>- Provision of services: VND 89,339,450</i> - Mua dịch vụ: 9.588.490.738 đồng <i>- Purchase of services: VND 9,588,490,738</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 8.679.808.603 đồng <i>- Repayment of borrowed principal: VND 8,679,808,603</i> - Lãi đi vay: 619.666.268 đồng <i>- Borrowing interest: VND 619,666,268</i> - Cổ tức được chia: 2.024.361.500 đồng	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Dividends received: VND 2,024,361,500	
6	Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hùng Anh Năm <i>Hung Anh Nam Real Estate Investment and Trading Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 108.000.000 đồng <i>- Provision of services: VND 108,000,000</i>	
7	Công ty Cổ phần Thương Mại Nguyễn Kim Đà Nẵng <i>Nguyen Kim Da Nang Trading Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 13.456.907.840 đồng <i>- Provision of services: VND 13,456,907,840</i> - Tăng vốn góp: 179.999.800.000 đồng <i>- Increase in capital contribution: VND 179,999,800,000</i> - Thu hồi góp vốn HTKD: 180.000.000.000 đồng <i>- Recovery of capital contribution for Business Cooperation: VND 180,000,000,000</i>	
8	Công ty TNHH MTV TTC Land Retail Management <i>TTC Land Retail Management Single Member Limited Liability Company</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Lợi nhuận được chia: 329.595.345 đồng <i>- Profit distributed: VND 329,595,345</i> - Thu hồi vốn góp: 1.300.000.000 đồng <i>- Recovery of capital contribution: VND 1,300,000,000</i>	Đã giải thể <i>Dissolved</i>

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
9	Công Ty TNHH Thương Tín - CJ Cầu Tre <i>Thuong Tin - CJ Cau Tre Co., Ltd.</i>	Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Lợi nhuận được chia: 38.069.492.810 đồng <i>- Profit distributed: VND 38,069,492,810</i> - Thu hồi vốn góp: 444.000.000.000 đồng <i>- Recovery of capital contribution: VND 444,000,000,000</i>	
10	Công ty Cổ phần May Tiên Phát <i>May Tien Phat Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết trong tập đoàn <i>Associate company within the group</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 449.273.203 đồng <i>- Provision of services: VND 449,273,203</i> - Mua dịch vụ: 2.244.842.400 đồng <i>- Purchase of services: VND 2,244,842,400</i> - Gốc cho vay: 382.666.712.000 đồng <i>- Loan principal: VND 382,666,712,000</i> - Thu hồi gốc cho vay: 270.996.712.000 đồng <i>- Recovery of loan principal: VND 270,996,712,000</i> - Lãi cho vay: 77.703.837.856 đồng <i>- Loan interest: VND 77,703,837,856</i> - Góp vốn HTKD: 289.000.000.000 đồng <i>- Capital contribution for business cooperation: VND 289,000,000,000</i>	Không còn là công ty liên kết từ 17/12/2025 <i>No longer an Associate company as of 17/12/2025</i>
11	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment Joint Stock Company</i>	Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Organization owning over</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Gốc đi vay: 378.560.000.000 đồng <i>- Borrowed principal: VND 378,560,000,000</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 331.910.000.000 đồng <i>- Repayment of borrowed principal: VND 331,910,000,000</i>	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
		10% of the Number of shares with voting rights					- Lãi đi vay: 9.070.138.349 đồng <i>- Borrowed interest: VND 9,070,138,349</i> - Mua dịch vụ: 2.508.730.000 đồng <i>- Purchase of services: VND 2,508,730,000</i>	
12	Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân <i>Toan Hai Van Joint Stock Company</i>	Bên liên quan khác <i>Other related party</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Chi phí sử dụng vốn: 60.803.433.094 đồng <i>- Cost of capital utilization: VND 60,803,433,094</i> - Góp vốn HTKD: 108.392.100.000 đồng <i>- Capital contribution for business cooperation: VND 108,392,100,000</i> - Chi phí phát hành trái phiếu tính vào góp vốn HTKD: 196.100.000 đồng <i>- Bond issuance costs calculated into capital contribution for business cooperation: VND 196,100,000</i> - Lãi trái phiếu tính vào góp vốn HTKD: 72.250.000.003 đồng <i>- Bond interest calculated into capital contribution for business cooperation: VND 72,250,000,003</i> - Trả hàng hóa: 373.294.513.457 đồng <i>- Payment for goods: VND 373,294,513,457</i>	
13	Công ty Cổ phần Khai Thác Và Quản Lý Khu Công Nghiệp Đặng Huỳnh	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT</i>	- Gốc đi vay: 878.915.000.000 đồng <i>- Borrowed principal: VND 878,915,000,000</i> - Lãi đi vay: 19.871.721.903 đồng	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	<i>with the same key management</i>				<i>dated January 20, 2025</i>	- Borrowed interest: VND 19,871,721,903 - Hoàn trả gốc đi vay: 1.045.810.661.000 đồng - Repayment of borrowed principal: VND 1,045,810,661,000 - Cung cấp dịch vụ: 26.938.680.000 đồng - Provision of services: VND 26,938,680,000	
14	Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company with the same key management</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Gốc đi vay: 529.800.000.000 đồng - Borrowed principal: VND 529,800,000,000 - Lãi đi vay: 15.819.178.389 đồng - Borrowed interest: VND 15,819,178,389 - Hoàn trả gốc đi vay: 673.657.386.180 đồng - Repayment of borrowed principal: VND 673,657,386,180 - Chuyển nhượng cổ phần: 218.625.750.000 đồng - Transfer of Shares: VND 218,625,750,000 - Nhận chuyển nhượng cổ phần: 16.506.966.000 đồng - Receiving transfer of Shares: VND 16,506,966,000 - Cung cấp dịch vụ: 95.606.990.546 đồng - Provision of services: VND 95,606,990,546	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Mua dịch vụ: 2.797.749.891 đồng <i>- Purchase of services: VND 2,797,749,891</i> - Thuê tài sản: 92.862.800.900 đồng <i>- Asset lease: VND 92,862,800,900</i> - Mua tài sản: 91.159.548.805 đồng <i>- Purchase of assets: VND 91,159,548,805</i> - Thu trước: 48.076.221.344 đồng <i>- Advance collection: VND 48,076,221,344</i>	
15	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Tourism Joint Stock Company</i>	Bên liên quan khác <i>Other affiliated party</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Mua dịch vụ: 106.574.074 đồng <i>- Purchase of services: VND 106,574,074</i> - Gốc cho vay: 14.000.000.000 đồng <i>- Loan principal: VND 14,000,000,000</i> - Lãi cho vay: 20.136.986 đồng <i>- Loan interest: VND 20,136,986</i> - Thu hồi gốc cho vay: 14.000.000.000 đồng <i>- Recovery of loan principal: VND 14,000,000,000</i>	
16	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Cụm Công Nghiệp Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company with the same key management</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ: 249.365.063.500 đồng <i>- Provision of services: VND 249,365,063,500</i> - Gốc đi vay: 11.900.000.000 đồng <i>- Borrowed principal: VND 11,900,000,000</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 12.900.000.000	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							đồng - <i>Repayment of borrowed principal: VND 12,900,000,000</i> - Lãi đi vay: 433.356.163 đồng - <i>Borrowing interest: VND 433,356,163</i>	
17	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Xuất Nhập Khẩu Thái Tôn <i>Thai Ton Construction, Trading and Import-Export Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company with the same key management</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Mua dịch vụ: 17.734.011.720 đồng - <i>Purchase of services: VND 17,734,011,720</i>	
18	Công ty Cổ phần Thương mại Thành Công Thành Công <i>Thành Thành Công Trading Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company with the same key management</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Gốc đi vay: 10.000.000.000 đồng - <i>Borrowed principal: VND 10,000,000,000</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 10.000.000.000 đồng - <i>Repayment of borrowed principal: VND 10,000,000,000</i> - Lãi đi vay: 10.958.904 đồng - <i>Borrowing interest: VND 10,958,904</i>	
19	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tín Nghĩa - Á Châu <i>Tin Nghia - Asia Investment Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company with the same key management</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Cung cấp dịch vụ; 228.181.818.182 đồng - <i>Provision of services; VND 228,181,818,182</i> - Chuyển nhượng cổ phần: 114.543.967.000 đồng - <i>Transfer of Shares: VND</i>	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No*, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution/Decision No. of the GMS/BOD... approved (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							114,543,967,000 - Gốc đi vay: 14.000.000.000 đồng - <i>Borrowed principal: VND 14,000,000,000</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 14.000.000.000 đồng - <i>Repayment of borrowed principal: VND 14,000,000,000</i> - Lãi đi vay: 567.863.015 đồng - <i>Borrowing interest: VND 567,863,015</i>	
20	Bà Huỳnh Bích Ngọc <i>Ms. Huynh Bich Ngoc</i>	Người có liên quan của Ông Đặng Hồng Anh <i>Affiliated person of Mr. Dang Hong Anh</i>			2025	Số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 <i>Resolution No. 01/2025/NQ-HĐQT dated January 20, 2025</i>	- Lãi đi vay: 1.584.529.482 đồng - <i>Borrowing interest: VND 1,584,529,482</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 1.903.000.000 đồng - <i>Repayment of borrowed principal: VND 1,903,000,000</i>	

PHỤ LỤC III: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY

APPENDIX III: THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025, số 15/2026/CV-TTCLAND, ngày 30/01/2026)

(Attached to the 2025 REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE, No. 15/2026/CV-TTCLAND, Date 30/01/2026)

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Ông Nguyễn Thành Chương <i>Mr. Nguyen Thanh Chuong</i>	-	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 <i>Appointed on April 23, 2024</i>
1.1	Lê Cẩm Hồng <i>Le Cam Hong</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
1.2	Ngô Thị Kim Hường <i>Ngo Thi Kim Huong</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
1.3	Nguyễn Trúc Quỳnh Như <i>Nguyen Truc Quynh Nhu</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
1.4	Nguyễn Khánh Hà <i>Nguyen Khanh Ha</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
1.5	Nguyễn Thị Mỹ Trang <i>Nguyen Thi My Trang</i>	-				-	-	Chị <i>Elder Sister</i>
1.6	Nguyễn Thị Mỹ Tiến	-				-	-	Chị <i>Elder Sister</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Nguyen Thi My Tien</i>							
1.7	Nguyễn Thị Mỹ Tâm <i>Nguyen Thi My Tam</i>	-				-	-	Chị <i>Elder Sister</i>
1.8	Nguyễn Minh Thành <i>Nguyen Minh Thanh</i>	-				-	-	Anh <i>Elder Brother</i>
1.9	Nguyễn Thành Văn <i>Nguyen Thanh Van</i>	-				-	-	Anh <i>Elder Brother</i>
1.10	Nguyễn Bá Thi <i>Nguyen Ba Thi</i>	-				-	-	Em <i>Younger Sibling</i>
1.11	Nguyễn Minh Thắng <i>Nguyen Minh Thang</i>	-				-	-	Em <i>Younger Sibling</i>
1.12	Ngô Văn Minh <i>Ngo Van Minh</i>	-				-	-	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
1.13	Phạm Văn Thuộc Anh <i>Pham Van Thuoc Anh</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
1.14	Nguyễn Văn Hùng <i>Nguyen Van Hung</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
1.15	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
1.16	Trương Thị Út <i>Truong Thi Ut</i>	-				-	-	Em dâu <i>Younger sister-in- law</i>
1.17	Hoàng Thị Thùy Dương <i>Hoang Thi Thuy Duong</i>	-				-	-	Em dâu <i>Younger sister-in- law</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
1.18	Lê Thị Bích Huyền <i>Le Thi Bich Huyen</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
1.19	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Joint Stock Company</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan (TV HĐQT của tổ chức) <i>Affiliated organization (Member of the BOD of the organization)</i>
1.20	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NDDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.21	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment Joint Stock Company</i>	-				135.000	0,03%	Tổ chức có liên quan (NDDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.22	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction,</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NDDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Trading, and Import-Export Joint Stock Company							(Legal Representative of the organization)
1.23	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D S&D Auxiliary Industry JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
1.24	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu Tin Nghia – Asia Investment JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
2	Ông Đặng Hồng Anh Mr. Dang Hong Anh	-	Phó Chủ tịch HDQT Vice Chairman of the Board of Directors			40.005.008	9,29%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 Relieved of duty on 24/04/2025
2.1	Đặng Văn Thành Dang Van Thanh	-				216.000	0,05%	Bố Father
2.2	Huỳnh Bích Ngọc Huynh Bich Ngoc	-				72.280	0,02%	Mẹ Mother
2.3	Đặng Huỳnh Ưc My Dang Huynh Uc My	-				-	-	Em Sibling
2.4	Đặng Huỳnh Anh Tuấn Dang Huynh Anh Tuan	-				-	-	Em Sibling
2.5	Đặng Huỳnh Thái Sơn Dang Huynh Thai Son	-				-	-	Em Sibling

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
2.6	Hồ Thị Phương Thảo <i>Ho Thi Phuong Thao</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
2.7	Trương Hồng Quân <i>Truong Hong Quan</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother- in-law</i>
2.8	Trịnh Nguyễn Thùy Trang <i>Trinh Nguyen Thuy Trang</i>	-				112.650	0,03%	Em dâu <i>Younger sister-in- law</i>
2.9	Đặng Quang Anh <i>Dang Quang Anh</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
2.10	Đặng Minh Anh <i>Dang Minh Anh</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
2.11	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment JSC</i>	-				97.678.941	22,69%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
3	Ông Võ Quốc Khánh <i>Mr. Vo Quoc Khanh</i>	-	Thành viên HDQT <i>Board of Directors' members</i>			-	-	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Relieved of duty on 24/04/2025</i>
3.1	Võ Thị Hiền <i>Vo Thi Hien</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
3.2	Võ Khánh Hiền Hòa <i>Vo Khanh Hien Hoa</i>	-				-	-	Em <i>Sibling</i>
3.3	Võ Kiến Văn <i>Vo Kien Van</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
3.4	Cao Xuân Hỷ <i>Cao Xuan Hy</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
4	Ông Phạm Trung Kiên <i>Mr. Pham Trung Kien</i>	-	Thành viên HĐQT độc lập và không điều hành. Chủ tịch UBKT <i>Independent members of the Board of Directors and Non-Executive. Chairman of the Supervisory Committee</i>			-	-	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Relieved of duty on 24/04/2025</i>
4.1	Hoàng Thị Hoa <i>Hoang Thi Hoa</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
4.2	Phạm Gia Khang <i>Pham Gia Khang</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
4.3	Phạm Lan Phương <i>Pham Lan Phuong</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
4.4	Phạm Đình Cường <i>Pham Dinh Cuong</i>	-				-	-	Em ruột <i>Younger Sibling</i>
4.5	Trần Thị Kiều <i>Tran Thi Kieu</i>	-				-	-	Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
4.6	Phạm Đình Tăng <i>Pham Dinh Tang</i>	-				-	-	Bố <i>Father</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
4.7	Hoàng Văn Vinh <i>Hoang Van Vinh</i>	-				-	-	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
4.8	Trần Thị Thanh <i>Tran Thi Thanh</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
4.9	Vũ Thị Tuất <i>Vu Thi Tuat</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
4.10	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Investment Joint Stock Company</i>	-				97.678.841	22,69%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
5	Ông Lê Quang Vũ <i>Mr. Le Quang Vu</i>	-	Thành viên HĐQT độc lập. Thành viên UBKT. <i>Independent members of the Board of Directors. Member of the Audit Committee.</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 <i>Appointed Date 04/23/2024</i>
5.1	Nguyễn Thị Bé <i>Nguyen Thi Be</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
5.2	Ngô Thị Hải <i>Ngo Thi Hai</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
5.3	Ngô Đình Thái <i>Ngo Dinh Thai</i>	-				-	-	Ba vợ <i>Father-in-law</i>
5.4	Ngô Đình Đào <i>Ngo Dinh Dao</i>	-				-	-	Anh vợ <i>Brother-in-law</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
5.5	Ngô Thị Hà <i>Ngo Thi Ha</i>	-				-	-	Chị vợ <i>Sister-in-law</i>
5.6	Ngô Đình Dương <i>Ngo Dinh Duong</i>	-				-	-	Em vợ <i>Younger sister-in- law</i>
5.7	Lê Hải Vy <i>Le Hai Vy</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
5.8	Lê Cung Bách <i>Le Cung Bach</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
5.9	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Joint Stock Company</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
6	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	-	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch UBKT <i>Independent members of the Board of Directors, Chairman of the Audit Committee</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed Date 04/24/2025</i>
6.1	CTCP Thương Mại Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Trading Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
6.2	Đào Thị Thu Thuyền <i>Dao Thi Thu Thuyen</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
6.3	Nguyễn Đào Khánh Nhu <i>Nguyen Dao Khanh Nhu</i>	-				-	-	Con gái <i>Daughter</i>
6.4	Nguyễn Thanh Bình <i>Nguyen Thanh Binh</i>	-				-	-	Con trai <i>Son</i>
6.5	Nguyễn Văn Nhân <i>Nguyen Van Nhan</i>	-				-	-	Bố đẻ <i>Father</i>
6.6	Lê Thị Hương <i>Le Thi Huong</i>	-				-	-	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
6.7	Nguyễn Văn Hiệp <i>Nguyen Van Hiep</i>	-				-	-	Em trai <i>Younger Brother</i>
6.8	Nguyễn Thị Lợi <i>Nguyen Thi Loi</i>	-				-	-	Em dâu <i>Younger sister-in- law</i>
6.9	Nguyễn Thị Hải <i>Nguyen Thi Hai</i>	-				-	-	Em gái <i>Younger Sister</i>
6.10	Nguyễn Trọng Tinh <i>Nguyen Trong Tinh</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother- in-law</i>
6.11	Nguyễn Thị Hưng <i>Nguyen Thi Hung</i>	-				-	-	Em gái <i>Younger Sister</i>
6.12	Mai Văn Sơn <i>Mai Van Son</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother- in-law</i>
6.13	Đào Kim Trương <i>Dao Kim Truong</i>	-				-	-	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
6.14	Nguyễn Thị Hồng <i>Nguyen Thi Hong</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
7	Ông Nguyễn Văn Bánh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	-	Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên UBKT <i>Non-Executive Board of Directors' members Member of the Supervisory Board</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed on 24/04/2025</i>
7.1	CTCP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.2	CTCP Đầu tư BĐS Long An <i>Long An Real Estate Investment Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.3	Lê Thị Bạch Mai <i>Le Thi Bach Mai</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
7.4	Nguyễn Trúc Mai <i>Nguyen Truc Mai</i>	-				-	-	Con gái <i>Daughter</i>
7.5	Nguyễn An Khang <i>Nguyen An Khang</i>	-				-	-	Con rể <i>Son-in-law</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
7.6	Nguyễn Thị Sang <i>Nguyen Thi Sang</i>	-				-	-	Em gái <i>Younger Sister</i>
7.7	Nguyễn Văn Ca <i>Nguyen Van Ca</i>	-				-	-	Em trai <i>Younger Brother</i>
7.8	Nguyễn Thị Anh <i>Nguyen Thi Anh</i>	-				-	-	Em gái <i>Younger Sister</i>
7.9	Nguyễn Văn Hoàng <i>Nguyen Van Hoang</i>	-				-	-	Em trai <i>Younger Brother</i>
7.10	Nguyễn Thị Hồng Vân <i>Nguyen Thi Hong Van</i>	-				-	-	Em gái <i>Younger sister</i>
8	Ông Nguyễn Thái Sơn <i>Mr. Nguyen Thai Son</i>	-	Thành viên HDQT <i>Board of Directors' members</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed Date 24/04/2025</i>
8.1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>	-				135,000	0.03%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.2	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tin Nghia – Asia Investment JSC</i>							Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.3	Lê Thị Hồng Hạnh <i>Le Thi Hong Hanh</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.4	Nguyễn Việt Duy <i>Nguyen Viet Duy</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
8.5	Nguyễn Thị Thu Lan <i>Nguyen Thi Thu Lan</i>	-				-	-	Chị <i>Elder sister</i>
8.6	Nguyễn Thị Minh Phuong <i>Nguyen Thi Minh Phuong</i>	-				-	-	Chị <i>Elder sister</i>
8.7	Nguyễn Việt Hà <i>Nguyen Viet Ha</i>	-				-	-	Em <i>Younger sibling</i>
8.8	Phan Văn Diệp <i>Phan Van Diep</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
8.9	Phạm Ngọc Hải <i>Pham Ngoc Hai</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
8.10	Hồ Văn An <i>Ho Van An</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
8.11	Nguyễn Thị Thanh Mai <i>Nguyen Thi Thanh Mai</i>	-				-	-	Chị <i>Elder sister</i>
8.12	Lê Hà Long <i>Le Ha Long</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
8.13	Lê Tấn Thi <i>Le Tan Thi</i>	-				-	-	Anh vợ <i>Wife's elder brother</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
8.14	Lê Thị Thuý Phương <i>Le Thi Thuy Phuong</i>	-				-	-	Chị vợ <i>Wife's elder sister</i>
8.15	Nguyễn Thái Nghĩa <i>Nguyen Thai Nghia</i>	-				-	-	Chồng chị vợ <i>Husband of wife's elder sister</i>
8.16	Lê Thị Mỹ Phước <i>Le Thi My Phuoc</i>	-				-	-	Em vợ <i>Wife's younger sibling</i>
8.17	Lê Thị Thúy Hiền <i>Le Thi Thuy Hien</i>	-				-	-	Em vợ <i>Wife's younger sibling</i>
9	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>	-	Thành viên HDQT <i>Board of Directors' members</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed Date 24/04/2025</i>
9.1	CTCP Đầu tư Xây dựng Đảo dừa Phú Quốc <i>Phu Quoc Coconut Island Construction Investment JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.2	CTCP D-Read <i>D-Read JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.3	Trần Thị Hòa <i>Tran Thi Hoa</i>	-				-	-	Mẹ ruột <i>Mother</i>
9.4	Trần Văn Niên <i>Tran Van Nien</i>	-				-	-	Bố ruột <i>Father</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
9.5	Trần Văn Tân <i>Tran Van Tan</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
9.6	Đặng Thị Phương <i>Dang Thi Phuong</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
9.7	Nguyễn Thị Phương Thảo <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
9.8	Trần Đăng Khoa <i>Tran Dang Khoa</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
9.9	Trần Đăng Huy <i>Tran Dang Huy</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
9.10	Nguyễn Văn Vui <i>Nguyen Van Vui</i>	-				-	-	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
9.11	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
10	Ông Võ Thanh Lâm <i>Mr. Võ Thanh Lâm</i>	-	Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật. <i>General Director. Legal Representative.</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 <i>Appointed on April 23, 2024</i>
10.1	Nguyễn Thị Hoàng Ngâu <i>Nguyen Thi Hoang Ngau</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
10.2	Võ Văn Long <i>Vo Van Long</i>	-				-	-	Cha <i>Father</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
10.3	Nguyễn Thị Liên <i>Nguyen Thi Lien</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
10.4	Võ Thị Thùy Linh <i>Vo Thi Thuy Linh</i>	-				-	-	Chị <i>Elder Sister</i>
10.5	Võ Thị Khánh Ly <i>Vo Thi Khanh Ly</i>	-				-	-	Em <i>Younger Sibling</i>
10.6	Võ Thị Bạch Yến <i>Vo Thi Bach Yen</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
10.7	Huỳnh Quốc Hưng <i>Huynh Quoc Hung</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
10.8	Nguyễn Mạnh Tiến <i>Nguyen Manh Tien</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother- in-law</i>
10.9	Võ Thanh Đan <i>Vo Thanh Dan</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
10.10	Võ Hoàng Đan <i>Vo Hoang Dan</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
11	Bà Đinh Thị Ngọc Trang <i>Ms. Dinh Thi Ngoc Trang</i>	-	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 05/03/2024 <i>Appointed on March 05, 2024</i>
11.1	Nguyễn Thanh Phong <i>Nguyen Thanh Phong</i>	-				-	-	Chồng <i>Husband</i>
11.2	Nguyễn Minh Thư <i>Nguyen Minh Thu</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
11.3	Nguyễn Minh Phúc <i>Nguyen Minh Phuc</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
11.4	Đinh Ngọc Sương <i>Dinh Ngoc Suong</i>	-				-	-	Cha <i>Father</i>
11.5	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>	-				-	-	Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
11.6	Đinh Thanh Tâm <i>Dinh Thanh Tam</i>	-				-	-	Em <i>Younger sibling</i>
11.7	Đinh Thị Kim Loan <i>Dinh Thi Kim Loan</i>	-				-	-	Em <i>Younger sibling</i>
11.8	Đinh Thị Ngọc Hoa <i>Dinh Thi Ngoc Hoa</i>	-				-	-	Chị <i>Elder sister</i>
11.9	Nguyễn Thị Ngọc Bích <i>Nguyen Thi Ngoc Bich</i>	-				-	-	Chị chồng <i>Elder sister-in- law (Husband's side)</i>
11.10	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng <i>Nguyen Thi Ngoc Nhưng</i>	-				-	-	Chị chồng <i>Elder sister-in- law (Husband's side)</i>
11.11	Nguyễn Hoàng Minh <i>Nguyen Hoang Minh</i>	-				-	-	Em chồng <i>Younger sibling- in-law (Husband's side)</i>
11.12	Nguyễn Hoàng Yên <i>Nguyen Hoang Yen</i>	-				-	-	Em chồng <i>Younger sibling- in-law (Husband's side)</i>
11.13	Nguyễn Thanh Thùy <i>Nguyen Thanh Thuy</i>	-				-	-	Em chồng <i>Younger sibling- in-law (Husband's side)</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
11.14	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park JSC</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.16	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>	-				135.000	0,03%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.17	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction, Trading and Import- Export JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
11.18	Công ty CP Năng lượng sạch Ninh Thuận <i>Ninh Thuan Clean Energy JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
								<i>the organization)</i>
12	Bà Nguyễn Thị Nghị <i>Ms. Nguyen Thi Nghị</i>	-	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 26/08/2024 <i>Appointed Date 26/08/2024</i>
12.1	Nguyễn Văn Thơ <i>Nguyen Van Tho</i>	-				-	-	Cha <i>Father</i>
12.2	Lư Hữu <i>Lu Huu</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
12.3	Nguyễn Đại Quang <i>Nguyen Dai Quang</i>	-				-	-	Chồng <i>Husband</i>
12.4	Nguyễn Ngọc Thảo My <i>Nguyen Ngoc Thao My</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
12.5	Nguyễn Minh Trí <i>Nguyen Minh Tri</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
12.6	Đào Thị Kim Khánh <i>Dao Thi Kim Khanh</i>	-				-	-	Mẹ chồng <i>Mother-in-law (Husband's side)</i>
12.7	Nguyễn Thị Hạnh <i>Nguyen Thi Hanh</i>	-				-	-	Chị ruột <i>Order Sister</i>
12.8	Trang Kiên Điền <i>Trang Kien Dien</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
12.9	Nguyễn Văn Hiếu <i>Nguyen Van Hieu</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
12.10	Đỗ Thị Thum <i>Do Thi Thum</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								law
12.11	Nguyễn Thị Thảo <i>Nguyen Thi Thao</i>	-				-	-	Chị ruột <i>Order Sister</i>
12.12	Phùng Văn Thuận <i>Phung Van Thuan</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
12.13	Nguyễn Văn Tình <i>Nguyen Van Tinh</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
12.14	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
12.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Đặng Huỳnh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (Phó Giám đốc kinh doanh của tổ chức) <i>Affiliated organization (Deputy Sales Director of the organization)</i>
12.16	Tổng Công ty Bất động sản KCN Thành Thành Công <i>Thành Thành Công Industrial Park Real Estate The Corporation</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan (Giám Đốc Khối KD Kho Vận của tổ chức) <i>Affiliated organization (Director of Logistics Business Division</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
								of the organization)
12.17	CTCP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn Thái Tôn Construction, Trading, and Import-Export JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
12.18	CTCP Công nghiệp Phụ trợ S&D S&D Supporting Industry JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
13	Ông Nguyễn Việt Hùng Mr. Nguyen Viet Hung	-	Kế toán trưởng Chief Accountant			-	-	Bổ nhiệm ngày 01/04/2024 Appointed Date 01/04/2024
13.1	Nguyễn Thành Lâm Nguyen Thanh Lam	-				-	-	Cha Father
13.2	Nguyễn Thị Thanh Nguyen Thi Thanh	-				-	-	Mẹ Mother
13.3	Nguyễn Thanh Lâm Nguyen Thanh Lam	-				-	-	Cha vợ Father-in-law
13.4	Nguyễn Thị Kim Toàn Nguyen Thi Kim Toan	-				-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
13.5	Nguyễn Kim Thanh Thư Nguyen Kim Thanh Thu	-				-	-	Vợ Wife

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
13.6	Nguyễn Bảo Quân <i>Nguyen Bao Quan</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
14	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>	-	Giám đốc Khối Tài chính <i>Director of Finance Division</i>			-	-	Miễn nhiệm ngày 20/05/2025 <i>Relieved of duty Date 20/05/2025</i>
14.1	Trần Thị Hòa <i>Tran Thi Hoa</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
14.2	Trần Văn Niên <i>Tran Van Nien</i>	-				-	-	Bố <i>Father</i>
14.3	Trần Văn Tân <i>Tran Van Tan</i>	-				-	-	Anh <i>Brother</i>
14.4	Đặng Thị Phương <i>Dang Thi Phuong</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
14.5	Nguyễn Thị Phương Thảo <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
14.6	Trần Đăng Khoa <i>Tran Dang Khoa</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
14.7	Trần Đăng Huy <i>Tran Dang Huy</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
14.8	Nguyễn Văn Vui <i>Nguyen Van Vui</i>	-				-	-	Bố vợ <i>Father-in-law</i>
14.9	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
14.10	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công <i>Thành Thành Công</i>	-				97.678.841	22,69%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated</i>

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp CCCD/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Note
	Investment Joint Stock Company							organization
15	Bà Lê Thị Mỹ Chi Ms. Le Thi My Chi	-	Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty. Person in charge of corporate governance, Company Secretary.			-	-	Miễn nhiệm ngày 06/06/2025 Relieved of duty on Date 06/06/2025
15.1	Lê Văn Chấn Le Van Chan	-				-	-	Ba
15.2	Nguyễn Thị Vị Thủy Nguyen Thi Vi Thuy	-				-	-	Mẹ Mother
15.3	Nguyễn Thành Trung Nguyen Thanh Trung	-				-	-	Ba chồng Father-in-law
15.4	Nguyễn Thị Dung Nguyen Thi Dung	-				-	-	Mẹ chồng Mother-in-law
15.5	Nguyễn Phú Trung Nguyen Phu Trung	-				-	-	Chồng Husband
15.6	Nguyễn Thiên Phúc Nguyen Thien Phuc	-				-	-	Con Child
15.7	Nguyễn Khải Anh Nguyen Khai Anh	-				-	-	Con Child
15.8	Lê Thị Mỹ Vi Le Thi My Vi	-				-	-	Em Younger sibling

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
15.9	Nguyễn Vũ Trung <i>Nguyen Vu Trung</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother- in-law</i>
16	Bà Trần Thị Thanh Hiên <i>Ms. Tran Thi Thanh Hien</i>	-	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty <i>Person in charge of corporate governance cum Company Secretary</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 06/06/2025 <i>Appointed on Date 06/06/2025</i>
16.1	Trần Văn Xứng <i>Tran Van Xung</i>	-				-	-	Bố đẻ <i>Father</i>
16.2	Nguyễn Thị Cúc <i>Nguyen Thi Cuc</i>	-				-	-	Mẹ đẻ <i>Mother</i>
16.3	Cao Văn Đồng <i>Cao Van Dong</i>	-				-	-	Bố chồng <i>Father-in-law</i>
16.4	Hà Thị Cúc <i>Ha Thi Cuc</i>	-				-	-	Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
16.5	Cao Văn Lâm <i>Cao Van Lam</i>	-				-	-	Chồng <i>Husband</i>
16.6	Cao Gia Kiệt <i>Cao Gia Kiet</i>	-				-	-	Con đẻ <i>Child</i>
16.7	Trần Văn Nhất <i>Tran Van Nhat</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.8	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>	-				-	-	Chị ruột <i>Order Sister</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
16.9	Trần Đức Mạnh <i>Tran Duc Manh</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.10	Trần Việt Thọ <i>Tran Viet Tho</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.11	Trần Ngọc Thắng <i>Tran Ngoc Thang</i>	-				-	-	Anh ruột <i>Order Brother</i>
16.12	Nguyễn Thị Hương <i>Nguyen Thi Huong</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
16.13	Bùi Đức Mạnh <i>Bui Duc Manh</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
16.14	Bùi Thị Bích Bình <i>Bui Thi Bich Binh</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
16.15	Trần Ngọc Huyền <i>Tran Ngoc Huyen</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
16.16	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in- law</i>
16.17	Công ty CP Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đăng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Chánh Văn phòng <i>Chief of Office</i>

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>CCCD/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
16.18	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Auxiliary Industry Joint Stock Company</i>	-				-	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>
16.19	Công ty CP Đầu tư Bất động sản Long An <i>Long An Real Estate Investment Joint Stock Company</i>	-				-	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>
16.20	Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction, Trading, and Import-Export Joint Stock Company</i>	-				-	-	Thành viên Ban kiểm soát <i>Member of the Board of Supervisors</i>

PHỤ LỤC IV: GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

APPENDIX IV: TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025, số 15/2026/CV-TTCLAND, ngày 30/01/2026)

(Attached to the 2025 REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE, No. 15/2026/CV-TTCLAND, dated 30/01/2026)

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Executor transaction</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase/decrease (purchase, sale, conversion, bonus...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Bà Đinh Thị Ngọc Trang <i>Ms. Dinh Thi Ngoc Trang</i>	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	18.100	0,0004%	0	0%	Bán cổ phiếu nhiều đợt trong kỳ <i>Sold shares in multiple tranches during the period</i>
2	CTCP Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	Tổ chức có liên quan của Phó Tổng Giám Đốc Đinh Thị Ngọc Trang <i>Affiliated organization of Deputy General Director Dinh Thi Ngoc Trang</i>	637.600	0,148%	0	0%	Bán <i>Sale</i>
3	CTCP Khu Công nghiệp Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Park Joint Stock Company</i>	Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Thành Chương <i>Affiliated organization of Chairman of the Board of Directors Nguyen Thanh Chuong</i>	5.429.315	1,261%	8.429.315	1,958%	Mua <i>Purchase</i>